

HƯỚNG DẪN

Thực hiện Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế

- Căn cứ Quyết định số 152-QĐ/TW ngày 26/10/2018 của Bộ Chính trị (khóa XII) về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ban Tổ chức Trung ương;

- Căn cứ Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 18-NQ/TW);

- Thực hiện Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 về chính sách tinh giản biên chế (sau đây viết tắt là Nghị định số 113/2018/NĐ-CP, Nghị định số 108/2014/NĐ-CP);

- Sau khi thống nhất với Bộ Nội vụ (Công văn số 5318/BNV-TCBC ngày 31/10/2018) và Bộ Tài chính (Công văn số 14040/BTC-VI ngày 14/11/2018); Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn thực hiện như sau:

1. Phạm vi, đối tượng

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Là những cơ quan, tổ chức và đơn vị sự nghiệp của Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội (từ Trung ương đến cấp xã) khi thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 18-NQ/TW.

1.2. Đối tượng áp dụng

- Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý thôi giữ chức vụ bầu

cử, bổ nhiệm do sắp xếp tổ chức bộ máy, nhân sự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, tự nguyện có đơn đề nghị được thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.

- Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là đối tượng áp dụng chính sách tinh giản biên chế theo quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP.

2. Về trình tự thực hiện tinh giản biên chế

2.1. Hàng năm, cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương; các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương có trách nhiệm phê duyệt danh sách là đối tượng tinh giản biên chế và sử dụng chi ngân sách thường xuyên hằng năm để thực hiện việc chi trả các chế độ, chính sách cho đối tượng tinh giản biên chế. Định kỳ 02 lần/năm (06 tháng/01 lần); tổng hợp kết quả thực hiện tinh giản biên chế, bao gồm danh sách đối tượng tinh giản biên chế (kèm theo giải trình lý do tinh giản biên chế của từng đối tượng) và kinh phí thực hiện tinh giản biên chế của cơ quan, đơn vị mình gửi về Ban Tổ chức Trung ương và Bộ Tài chính.

Đối với các cơ quan tham mưu, đơn vị của Đảng ở Trung ương (là đơn vị dự toán cấp II) khi gửi báo cáo về Ban Tổ chức Trung ương theo định kỳ đồng thời cũng có văn bản gửi về Văn phòng Trung ương Đảng (đơn vị dự toán cấp I) để kiểm tra tài chính theo quy định, trước khi tổng hợp gửi Bộ Tài chính.

2.2. Ban Tổ chức Trung ương kiểm tra đối tượng tinh giản biên chế trên cơ sở báo cáo kết quả tinh giản biên chế do cơ quan, đơn vị, địa phương gửi đến và có ý kiến gửi Bộ Tài chính để làm căn cứ kiểm tra, quyết toán kinh phí đã thực hiện tinh giản biên chế.

3. Thời hạn gửi kết quả thực hiện tinh giản biên chế

Kết quả thực hiện tinh giản biên chế của các cơ quan, đơn vị ở Trung ương và địa phương được báo cáo định kỳ 02 lần/năm gửi về Ban Tổ chức Trung ương và Bộ Tài chính với thời hạn như sau: Kết quả thực hiện tinh giản biên chế 06 tháng đầu năm gửi trước ngày 15 tháng 6 hằng năm và Kết quả thực hiện tinh giản biên chế 06 tháng cuối năm gửi trước ngày 15 tháng 12 hằng năm.

4. Các nội dung khác được thống nhất thực hiện theo quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị cơ quan, đơn vị phản ánh về Ban Tổ chức Trung ương (Vụ Chính sách cán bộ) để nghiên cứu, giải quyết. ♣

K/T TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN THƯỜNG TRỰC
(Đã ký)
Nguyễn Thanh Bình